



Biến cơ hội thành giá trị

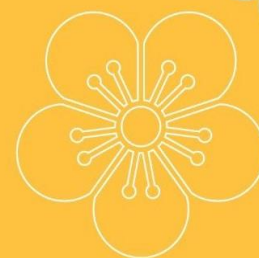


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
SAI GON - HA NOI SECURITIES JOINT STOCK COMPANY



CHÚC MỪNG
NĂM MỚI

HAPPY NEW YEAR



WEEKLY WRAP

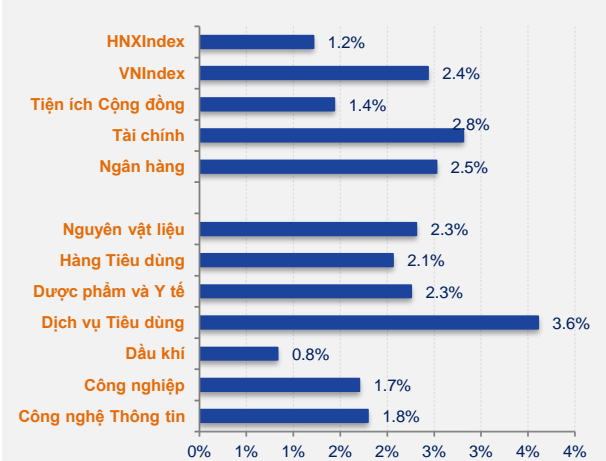
Tuần GD: 25/12/2023 - 29/12/2023

THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

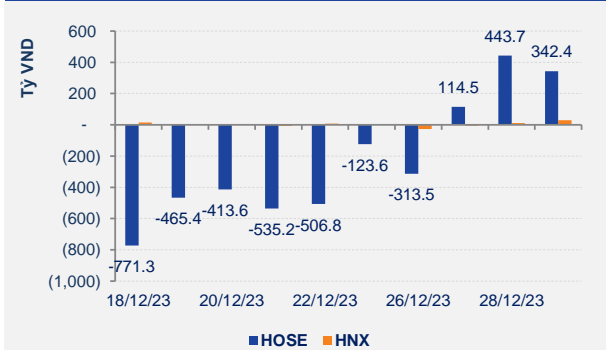
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,129.93 ↑	2.4%	231.04 ↑	1.2%
KLGD (trCP)	3,279.81 ↑	16.4%	321.10 ↓	-12.2%
GTGD (tỷ VND)	80,372.26 ↑	25.1%	6,111.80 ↓	-8.6%
Tổng cung (trCP)	5,754.69 ↓	-7.2%	652.92 ↑	6.2%
Tổng cầu (trCP)	5,369.90 ↓	-15.0%	519.22 ↓	-2.4%

Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	163.62 ↓	-42.4%	5.64 ↑	12.0%
KL bán (trCP)	147.46 ↓	-62.4%	5.27 ↓	-9.3%
GT mua (tỷ VND)	5,229.33 ↓	-42.2%	129.05 ↓	-40.2%
GT bán (tỷ VND)	4,765.79 ↓	-59.4%	114.39 ↓	-42.1%

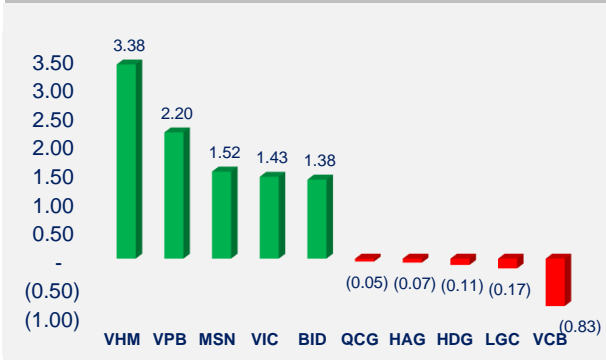
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường đã kết thúc năm 2023 với phiên giao dịch duy trì xu hướng tích cực khi VN-INDEX tăng điểm kèm thanh khoản cải thiện. Kết thúc năm 2023 VN-INDEX dừng ở mức 1.129,93 điểm tăng 12,20% so với năm 2022 với khối lượng giao dịch cũng tăng 10,89%. HNX-INDEX kết thúc năm 2023 ở mức 231,04 điểm tăng 12,53%, khối lượng giao dịch tăng 12,58% so với năm 2022.

Trong tuần giao dịch cuối năm thanh khoản trên HOSE đạt 80.372,26 tỷ đồng, tăng 25,1% so với tuần trước, trong đó khối lượng giao dịch tăng 16,4% cho thấy tâm lý thị trường cải thiện, dòng tiền ngắn hạn gia tăng tốt và tích cực trở lại với nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VN30 khi khối ngoại mua ròng trở lại sau 20 phiên bán ròng mạnh liên tiếp. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và đã mua ròng trở lại với giá trị 464,14 tỷ đồng, tập trung mua ròng trở lại các nhóm mã thép, ngân hàng, dịch vụ tài chính vốn đã chịu áp lực bán mạnh trong thời gian qua; mua ròng trên HNX với giá trị 14,66 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin tình hình kinh tế xã hội Quý IV và cả năm 2023 như: GDP quý IV/2023 ước tính tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn quý IV các năm 2012-2013 và 2020-2022 và tăng dần (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%). GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. CPI tháng 12/2023 tăng 0,12% so với tháng trước, CPI bình quân quý IV/2023 tăng 3,54% so với quý IV/2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng với tâm lý tích cực khi nhà đầu tư nước ngoài ngừng bán ròng mạnh đã có diễn biến hồi phục tích cực trong tuần qua, nhiều mã vượt vùng giá đỉnh cũ, thanh khoản cải thiện tốt, nổi bật như HDB (+7,12%), VPB (+5,79%), SSB (+5,75%), VIB (+4,53%), TCB (+3,92%).... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tích cực với HCM (+5,56%) thanh khoản đột biến trước thông tin tăng vốn..., các mã còn lại thanh khoản ở mức trung bình như TVS (+6,03%), VCI (+4,27%), VND (+3,49%) ...

Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến phân hóa hơn, đa số biến động tích lũy với thanh khoản dưới mức trung bình ngoài một số cổ phiếu khá đột biến, thanh khoản gia tăng mạnh như VHM (+7,20%), ITC (+5,88%), CII (+4,23%), PDR (+3,92%), DIG (+3,68%).... Các nhóm ngành khác cũng có diễn biến tương tự phân hóa khá tích cực, khối lượng giao dịch giảm trong tuần cuối cùng của năm.

Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến phân hóa hơn, đa số biến động tích lũy với thanh khoản dưới mức trung bình ngoài một số cổ phiếu khá đột biến, thanh khoản gia tăng mạnh như VHM (+7,20%), ITC (+5,88%), CII (+4,23%), PDR (+3,92%).... Các nhóm ngành khác cũng có diễn biến tương tự phân hóa khá tích cực, khối lượng giao dịch giảm trong tuần cuối cùng của năm.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 tăng 1,7 điểm (+0,10%), chênh lệch dương 3,14 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 3,28% so với phiên trước, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI giảm nhẹ. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 khá tích cực khi vượt kháng cự MA200 quanh 1.124 điểm để hướng đến vùng giá 1.140 điểm - 1.145 điểm. Các kỳ hạn dài hơn chênh lệch từ -1,26 điểm đến 4,54 điểm, mức chênh lệch nở rộng, thể hiện các trader vẫn lạc quan về xu hướng tăng của VN30, kỳ vọng VN30 chuyển sang xu hướng tăng, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn với mức dừng lỗ theo hỗ trợ quanh 1.125 điểm, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/12/2023 - 29/12/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Phiên giao dịch cuối cùng trong năm 2023 kết thúc bằng một phiên chỉ số tăng không đáng kể và gần như đi ngang, VN-Index chốt năm ở mức 1.129.93 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022 và kết thúc tuần cuối cùng của năm bằng một cây nến xanh khá tích cực khi tăng 26,87 điểm (+2,44%). Vận động ngắn hạn của Vn-Index vẫn đang diễn ra tích cực như đã dự báo khi chỉ số tiếp tục phục hồi và trong phiên hôm nay đã cố vượt qua ngưỡng cản 1.130 điểm trước khi lùi trở lại quanh ngưỡng này. Chúng tôi vẫn kỳ vọng vào việc chỉ số có thể vượt qua 1.130 điểm để hướng tới vùng quanh 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng khi Vn-Index đang dần tiệm cận các ngưỡng cản và có thể tiếp tục có những rung lắc, điều chỉnh.

Xét về trung hạn, thị trường năm 2023 diễn biến trong xu hướng tích lũy sau năm 2022 giảm điểm mạnh. Mức tăng 12,2% của chứng khoán Việt Nam là khá tốt nếu so với các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á và phù hợp với bối cảnh địa chính trị toàn cầu còn nhiều biến động năm qua, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại so với 2022, hoạt động kinh doanh của phần lớn doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, tín dụng tăng trưởng chậm, thị trường bất động sản trầm lắng và diễn biến bán ròng mạnh của khối ngoại. Vn-Index trong năm 2023 đã nhiều lần test thành công ngưỡng hỗ trợ quanh 1.100 điểm và khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm khả năng cao là vùng tích lũy trung hạn của thị trường trong thời gian tới và trong trường hợp tích cực hơn có thể tích lũy trong vùng cao hơn 1.150 điểm - 1.250 điểm trước khi chờ đợi thêm các tín hiệu lạc quan hơn về tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và có thể giải ngân dần vào các mã mục tiêu trong các nhịp điều chỉnh.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!

Trong năm vừa qua chúng tôi hy vọng các bản tin của Phòng Phân tích SHS đã giúp ích được các nhà đầu tư có thêm kênh tham khảo giá trị, hẹn gặp lại quý vị trong các bản tin tiếp theo trong năm 2024 khi thị trường trở lại giao dịch sau kỳ nghỉ tết Dương lịch.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/12/2023 - 29/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PET	27.60	24.5-25.5	31-32	23	37.6	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	41.00	38-39.5	44-46	35	8.9	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.30	31-33	38-39	29	8.3	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.75	30.5-31.2	34-35	29	16.8	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.30	26-27	30-31	25	36.2	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
HCM	34.20	30-31	34-35	29	25.2	8.5%	29.7%	Theo dõi giải ngân
VSC	29.00	27-28.6	33-34	25	28.7	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
TNH	21.45	20-21	26-27	19	11.2	42.7%	10.4%	Theo dõi giải ngân
VEA	34.19	32.5-34.5	40-41	31	6.3	-28.2%	-19.7%	Theo dõi giải ngân
DRC	26.50	25-26.3	29.5-30.5	23	13.5	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	25.40	22.3	28-28.5	25	13.9%	Nắm giữ
11/1/2023	DTD	24.60	18.6	28-29	24	32.3%	Nắm giữ
11/8/2023	PVT	26.40	24.45	30-31	26	8.0%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	49.70	45.1	52-53	48	10.2%	Nắm giữ
22/8/2023	LSS	11.05	11.4	15-16	11	-3.1%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.75	30.2	34-35	30.5	5.1%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.30	27.55	30-31	26.5	2.7%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	21.45	20.8	26-27	20	3.1%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Vượt qua “con gió ngược” toàn cầu, GDP năm 2023 ước tăng 5,05%

Với mức tăng 6,72% đạt được trong quý 4/2023, tăng trưởng GDP cả năm 2023 của Việt Nam theo ước tính của Tổng cục Thống kê đạt 5,05%... Tại buổi họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế – xã hội quý 4/2023 và năm 2023 ngày 29/12, bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê cho rằng mặc dù tăng trưởng GDP cả năm 2023 không đạt mục tiêu đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ (6,5%) nhưng là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới.

Công nghiệp năm 2023 giữ được đà tăng trưởng, nhiều ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất tăng cao

Nhờ xu hướng tích cực từ quý 2 nên kết thúc năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp vẫn giữ được đà tăng trưởng dương. Đáng chú ý, trong số 33 ngành công nghiệp trọng điểm cấp 2 thì có tới 21 ngành tăng trưởng so với cùng kỳ... Theo số liệu báo cáo được Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/12, sản xuất công nghiệp quý 4/2023 tăng trưởng tích cực hơn quý 3/2023, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 6,86% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2023, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,02% so với năm trước.

Cả năm 2023 CPI tăng 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra

Ngày 29/12, Tổng cục Thống kê công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2 tăng 0,12% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng này tăng 3,58%. Theo đó, CPI cả năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022 và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Năm 2023, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Lạm phát toàn cầu từ đầu năm đến nay có xu hướng giảm dần sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát cùng với giá năng lượng giảm.

Thuế bảo vệ môi trường với xăng năm sau là 2.000 đồng

Từ 1/1/2024, thuế bảo vệ môi trường với xăng (trừ ethanol) vẫn là 2.000 đồng, dầu và mỡ nhờn 1.000 đồng trên mỗi lít, theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nghị quyết 42 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục cho áp mức thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu giảm một nửa so với biểu khung thuế. Mức này được nhà chức trách áp dụng từ tháng 4/2022 đến nay. Theo đó, năm 2024, thuế bảo vệ môi trường với xăng (trừ ethanol) là 2.000 đồng một lít. Nhiên liệu bay, dầu diesel, mazut, dầu nhờn là 1.000 đồng một lít. Còn mức thuế với dầu hỏa 600 đồng một lít.

TIN DOANH NGHIỆP

Thủy Điện A Vương (AVC) chia cổ tức khủng gần 120% bằng tiền, Genco2 nhận về 778 tỷ đồng

Mặc dù dự kiến chia cổ tức năm 2023 là 35% và sau 3 lần tạm ứng đã gấp đôi kế hoạch năm, nhưng CTCP Thủy Điện A Vương (AVC – UPCoM) tiếp tục tạo bất ngờ cho cổ đông với thông tin chi trả cổ tức lần 4/2023. Cụ thể, ngày 12/1/2024 tới đây, Công ty sẽ tạm ứng cổ tức lần 4/2023 với tỷ lệ 47,89% bằng tiền, tương ứng 1 cổ phiếu sẽ được nhận 4.789 đồng. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 15/5/2024. Trước đó, Công ty đã thực hiện 2 đợt tạm ứng cổ tức năm 2023 với tổng tỷ lệ 49,7% bằng tiền, gồm đợt 1 thực hiện cuối tháng 8/2023 với tỷ lệ 25% và đợt 2 vào cuối tháng 10/2023 với tỷ lệ 24,7%. Và gần đây nhất, ngày 25/12, Thủy Điện A Vương đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 3 với tỷ lệ 20,95%, thời gian chi trả dự kiến ngày 14/3/2024.

Vietravel (VTR): Doanh thu 2023 ước đạt gần 6.000 tỷ đồng, tăng trưởng 56% so với cùng kỳ

Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam (Vietravel, mã chứng khoán VTR: HNX) thông tin, kết thúc năm 2023, Công ty phục vụ 730.314 lượt khách; doanh thu ước đạt gần 6.000 tỷ đồng, tăng 29% về lượt khách và 56% về doanh thu so với năm 2022. Trong năm 2023, Vietravel đã phục vụ 730.314 lượt khách; doanh thu ước đạt gần 6.000 tỷ đồng, tăng 29% về lượt khách và 56% về doanh thu so với năm 2022, đạt 102% kế hoạch đã đề ra từ đầu năm, đồng thời chiếm 87% lượng khách so với thời kỳ trước dịch Covid-19 (năm 2019).

HOSE chấp thuận niêm yết hơn 100 triệu cổ phiếu Chứng khoán Thành Công (TCI)

Ngày 28/12, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) đã chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công (mã TCI - UPCoM) được niêm yết sàn HOSE. Với hơn 100,9 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Chứng khoán Thành Công sẽ sớm niêm yết toàn bộ cổ phiếu trên sàn HOSE trong thời gian tới. Theo tìm hiểu, CTCP Chứng khoán Thành Công có địa chỉ tại Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM được thành lập ngày 31/1/2008 với vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng và hiện tại vốn điều lệ là 1.009,8 tỷ đồng.

Thủy điện Hủ Na (HNA) chào sàn HOSE ngày 12/1/2024 với giá tham chiếu 18.350 đồng

Ngày 12/1/2024, hơn 235,2 triệu cổ phiếu CTCP Thủy điện Hủ Na (HNA) sẽ chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE). HOSE cho biết sẽ chấp nhận niêm yết hơn 235,2 triệu cổ phiếu HNA vào ngày 12/1/2024, giá tham chiếu ngày chào sàn là 18.350 đồng/cổ phiếu và biên độ phân giao dịch ngày đầu tiên là 20%. Như vậy, ước tính ngày chào sàn, Thủy điện Hủ Na được định giá hơn 4.316,5 tỷ đồng. Trước đó, ngày 1/12, HOSE đã Quyết định chấp thuận niêm yết 235,23 triệu cổ phiếu CTCP Thủy điện Hủ Na trên sàn HOSE.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HSG	3,508,666	SHB	(6,591,991)
2	HCM	3,428,328	MSB	(3,342,000)
3	VPB	3,183,598	VND	(2,988,975)
4	ASM	3,048,760	VNM	(2,549,469)
5	TPB	2,400,367	GMD	(2,426,625)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	858,355	SHS	(1,802,806)
2	NRC	438,298	PVS	(299,147)
3	TNG	260,372	CEO	(249,275)
4	APS	70,000	NVB	(139,800)
5	API	40,000	TIG	(114,800)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VHM	40.20	43.70	↑ 8.71%	158,455,600
EIB	18.30	18.35	↑ 0.27%	135,219,968
HAG	13.35	13.70	↑ 2.62%	128,477,300
HPG	27.20	27.95	↑ 2.76%	127,047,600
VIX	16.85	17.10	↑ 1.48%	96,209,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.80	18.80	⇒ 0.00%	83,359,491
CEO	22.60	22.60	⇒ 0.00%	40,169,586
HUT	19.40	19.50	↑ 0.52%	17,112,938
IDC	50.80	52.20	↑ 2.76%	14,823,335
MBS	22.90	22.80	↓ -0.44%	14,784,677

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTB	10.75	13.55	2.8	↑ 26.05%
FDC	18.00	21.90	3.9	↑ 21.67%
COM	30.30	36.05	5.8	↑ 18.98%
SRC	25.50	29.95	4.5	↑ 17.45%
VNG	8.40	9.80	1.4	↑ 16.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTP	16.00	22.50	6.5	↑ 40.63%
TJC	11.50	15.50	4.0	↑ 34.78%
MCO	5.70	7.50	1.8	↑ 31.58%
HKT	3.70	4.80	1.1	↑ 29.73%
NFC	15.00	18.90	3.9	↑ 26.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

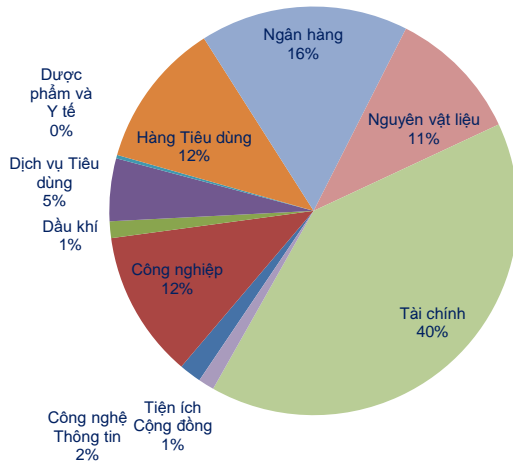
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	4.60	3.82	-0.8	↓ -16.96%
HSL	11.50	10.10	-1.4	↓ -12.17%
LGC	57.00	51.20	-5.8	↓ -10.18%
PMG	9.20	8.30	-0.9	↓ -9.78%
HTG	34.40	31.35	-3.1	↓ -8.87%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BST	20.40	15.40	-5.0	↓ -24.51%
VNT	43.10	33.60	-9.5	↓ -22.04%
BED	16.20	13.00	-3.2	↓ -19.75%
HGM	47.00	38.80	-8.2	↓ -17.45%
VTH	10.70	8.90	-1.8	↓ -16.82%

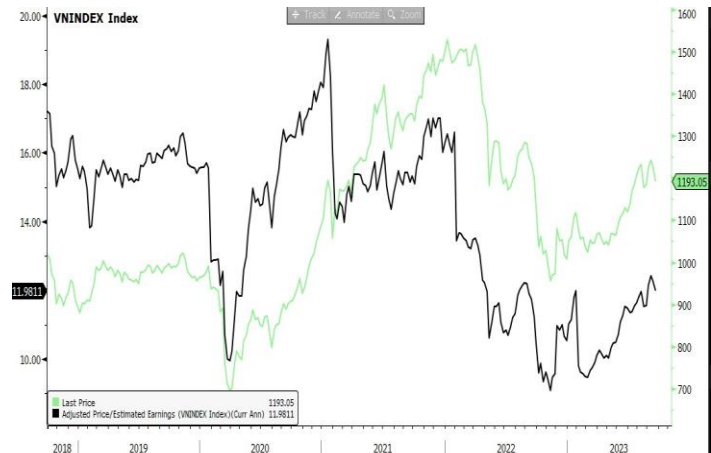
(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	158,455,600	25.0%	9,468	4.6	1.1
EIB	135,219,968	8.3%	1,013	18.1	1.5
HAG	128,477,300	18.6%	1,070	12.8	2.4
HPG	127,047,600	1.9%	322	86.9	1.6
VIX	96,209,000	8.2%	1,005	17.0	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	83,359,491	5.4%	643	29.2	1.5
CEO	40,169,586	6.7%	955	23.7	1.8
HUT	17,112,938	0.8%	122	160.2	1.6
IDC	14,823,335	17.0%	3,177	16.4	3.1
MBS	14,784,677	10.4%	1,104	20.7	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTB	↑ 26.0%	9.7%	1,683	8.1	0.8
FDC	↑ 21.7%	-44.5%	-5,135	-	1.9
COM	↑ 19.0%	2.9%	880	41.0	1.2
SRC	↑ 17.5%	1.7%	258	116.3	2.0
VNG	↑ 16.7%	0.3%	31	317.3	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HTP	↑ 40.6%	0.1%	29	786.9	0.9
TJC	↑ 34.8%	21.9%	3,680	4.2	1.0
MCO	↑ 31.6%	0.4%	52	145.2	0.6
HKT	↑ 29.7%	1.4%	160	30.0	0.4
NFC	↑ 26.0%	13.3%	1,668	11.3	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	3,508,666	0.2%	37	611.5	1.3
HCM	3,428,328	7.8%	1,356	25.1	1.9
VPB	3,183,598	9.7%	1,481	12.7	1.0
ASM	3,048,760	3.0%	709	14.7	0.4
TPB	2,400,367	17.0%	2,483	7.0	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	858,355	17.0%	3,177	16.4	3.1
NRC	438,298	-5.9%	-788	-	0.4
TNG	260,372	13.4%	1,776	11.3	1.3
APS	70,000	-35.8%	-3,855	-	0.7
API	40,000	2.9%	333	17.1	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	462,777	22.6%	6,013	13.8	2.9
BID	243,409	17.6%	3,450	12.4	2.0
VHM	190,286	25.0%	9,468	4.6	1.1
GAS	174,552	19.0%	5,283	14.4	2.8
VIC	169,962	2.7%	977	45.5	1.2

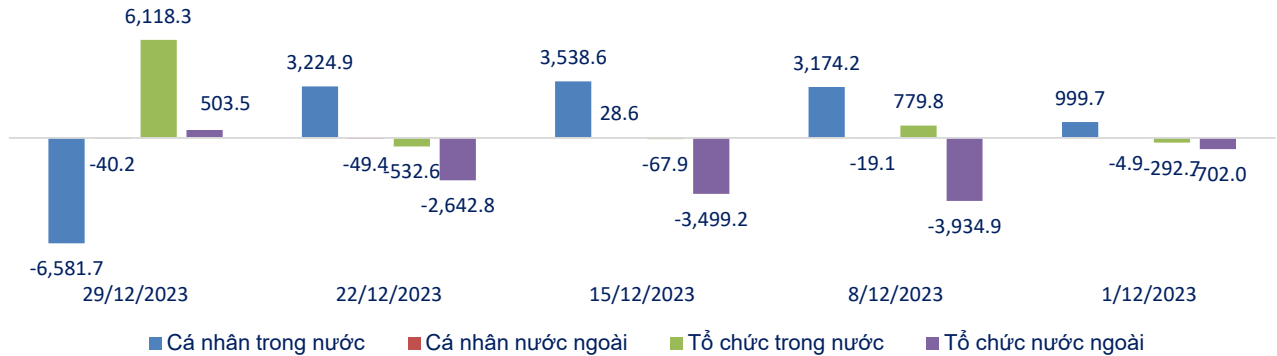
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,306	6.7%	1,846	20.8	1.4
HUT	17,404	0.8%	122	160.2	1.6
IDC	17,226	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	15,287	5.4%	643	29.2	1.5
THD	13,629	2.9%	460	77.0	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	293.29	8.3%	1,013	18.1	1.5
GMD	216.29	25.9%	7,606	9.5	2.3
FPT	171.65	22.3%	4,815	20.1	4.3
GAS	143.53	19.0%	5,283	14.4	2.8
VND	107.02	7.8%	957	23.1	1.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-5,184.49	25.0%	9,468	4.6	1.1
VPB	-531.90	9.7%	1,481	12.7	1.0
KDC	-188.04	9.2%	2,664	23.6	2.0
CTG	-173.59	15.7%	3,377	8.0	1.2
HPG	-167.44	1.9%	322	86.9	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	9.33	2.9%	514	25.8	0.8
VPB	8.98	9.7%	1,481	12.7	1.0
SAB	7.21	16.5%	3,286	18.9	3.0
STB	7.21	17.5%	3,825	7.2	1.2
VND	5.98	7.8%	957	23.1	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-35.49	17.2%	2,471	5.2	0.8
BID	-11.27	17.6%	3,450	12.4	2.0
DXG	-9.15	-2.0%	(453)	-	0.9
VIX	-7.59	8.2%	1,005	17.0	1.3
VHM	-6.23	25.0%	9,468	4.6	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	5,232.69	25.0%	9,468	4.6	1.1
VPB	472.41	9.7%	1,481	12.7	1.0
KDC	192.05	9.2%	2,664	23.6	2.0
HPG	164.40	1.9%	322	86.9	1.6
VNM	159.61	24.4%	4,029	17.0	4.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-294.00	8.3%	1,013	18.1	1.5
FPT	-166.84	22.3%	4,815	20.1	4.3
DGC	-145.46	29.7%	9,010	10.4	2.9
PET	-81.64	3.8%	733	38.1	1.4
HAH	-75.69	16.3%	4,525	8.3	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

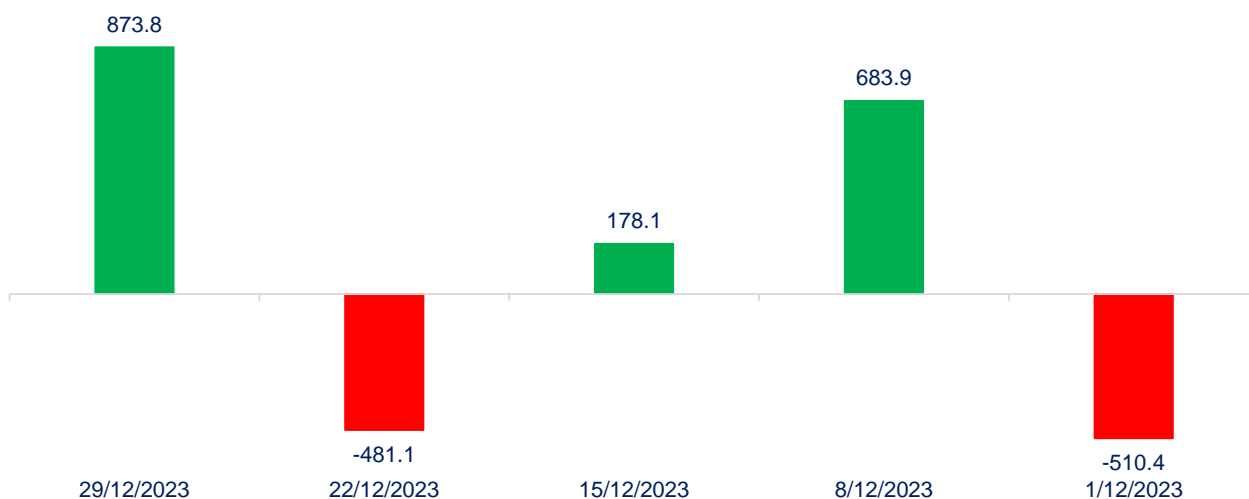
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	111.79	7.8%	1,356	25.1	1.9
HSG	80.97	0.2%	37	611.5	1.3
VCB	77.69	22.6%	6,013	13.8	2.9
PVD	65.94	3.0%	779	35.9	1.1
MSN	63.22	2.2%	572	117.1	2.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

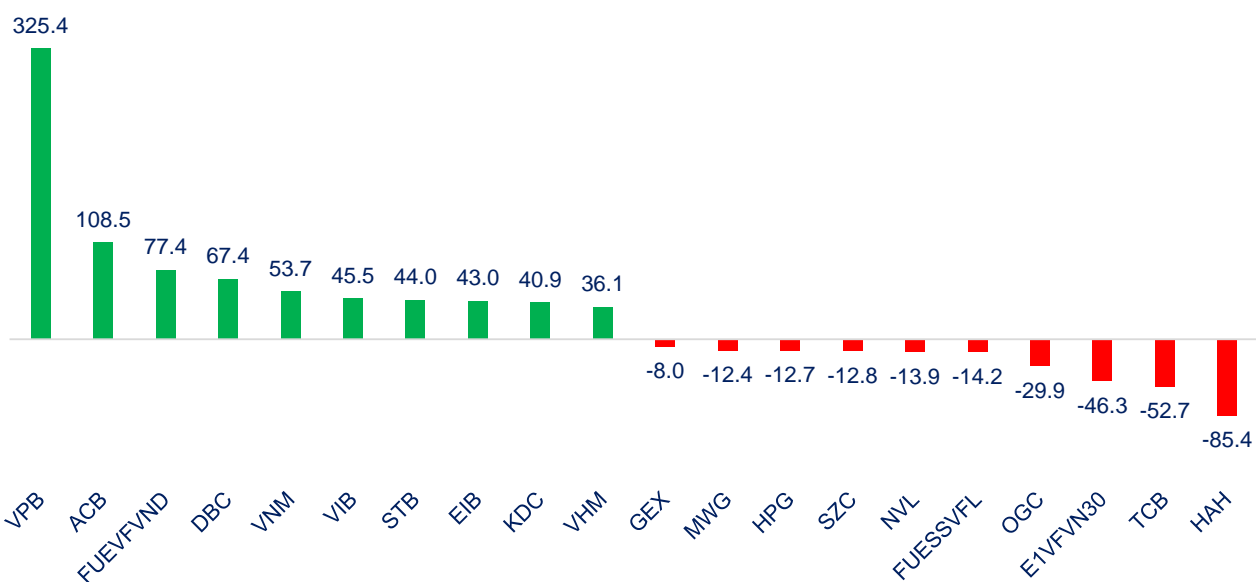
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	-174.13	25.9%	7,606	9.5	2.3
VNM	-170.35	24.4%	4,029	17.0	4.2
GAS	-80.17	19.0%	5,283	14.4	2.8
SSI	-71.73	8.9%	1,346	24.5	2.2
VND	-71.17	7.8%	957	23.1	1.7



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
19/9/2023	29/12/2023	13/10/2023	12/10/2023	SJD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/10/2023	29/12/2023	17/11/2023	16/11/2023	PAI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/11/2023	29/12/2023	4/12/2023	1/12/2023	BRS	Đại hội Cổ đông Bất thường
10/11/2023	29/12/2023	15/12/2023	14/12/2023	VSI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/11/2023	29/12/2023	4/12/2023	1/12/2023	PBC	Đại hội Cổ đông Bất thường
20/11/2023	29/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	SJ1	Đại hội Đồng Cổ đông
14/11/2023	29/12/2023	29/11/2023	28/11/2023	BCM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/11/2023	29/12/2023	13/12/2023	12/12/2023	FTV	Đại hội Cổ đông Bất thường
24/11/2023	29/12/2023	6/12/2023	5/12/2023	ILC	Đại hội Cổ đông Bất thường
11/12/2023	29/12/2023	19/12/2023	18/12/2023	CNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/12/2023	29/12/2023	20/12/2023	19/12/2023	DRL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	XDC	Tạm dừng Niêm yết
19/12/2023	29/12/2023	26/12/2023	25/12/2023	DMS	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18/12/2023	29/12/2023	26/12/2023	25/12/2023	GEG	Sự kiện khác
14/12/2023	29/12/2023	22/12/2023	21/12/2023	X26	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	TGG	Chuyển Sàn
29/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	FUEVFNVD	Niêm yết thêm
29/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	29/12/2023	FUEDCMID	Niêm yết thêm
23/11/2023	30/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	TTZ	Đại hội Cổ đông Bất thường
15/9/2023	31/12/2023	28/9/2023	27/9/2023	SBT	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
20/12/2023	2/1/2024	3/1/2024	2/1/2024	HCM	Phát hành cổ phiếu
20/12/2023	2/1/2024	3/1/2024	2/1/2024	HCM	Phát hành cổ phiếu
26/12/2023	2/1/2024	3/1/2024	2/1/2024	TNH	Phát hành cổ phiếu
6/10/2023	3/1/2024	16/10/2023	13/10/2023	CII	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/12/2023	4/1/2024	5/1/2024	4/1/2024	VHC	Phát hành cổ phiếu
6/12/2023	5/1/2024	15/12/2023	14/12/2023	THG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/12/2023	5/1/2024	22/12/2023	21/12/2023	BEL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/11/2023	7/1/2024	4/12/2023	1/12/2023	IDV	Đại hội Đồng Cổ đông
23/11/2023	8/1/2024	8/12/2023	7/12/2023	TOT	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
4/12/2023	8/1/2024	18/12/2023	15/12/2023	GLW	Đại hội Cổ đông Bất thường



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn